

Số: /...../NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày.....tháng.....năm.....

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc quy định về nội dung và mức chi hỗ trợ thực hiện  
Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững  
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA  
KHÓA ....., KỲ HỌP THỨ.....**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Thông tư số 100/2018/TT-BTC ngày 01/11/2018 của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ điểm đ, Khoản 1, Điều 7 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;*

*Xét Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày.....tháng.....năm..... của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày.....tháng.....năm..... của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai

đoạn 2016 - 2020 theo Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

## **2. Đối tượng áp dụng**

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 28/2015/QĐ-TTG ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo), trong đó: ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người khuyết tật còn khả năng lao động thuộc hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo.

- Nhóm hộ, cộng đồng dân cư.
- Tổ chức và cá nhân có liên quan.

## **3. Nguyên tắc, điều kiện và phương thức hỗ trợ**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 15/2017/TT-BTC; Thông tư số 100/2018/TT-BTC; Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT.

## **4. Mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo**

### **a) Mức hỗ trợ dự án**

- Trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc Chương trình 30a; xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135: Hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án/xã; 100 triệu đồng/dự án/thôn.

- Trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: Hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/dự án

- Thời gian triển khai thực hiện dự án không quá 03 năm.

### **b) Chi xây dựng và quản lý dự án**

Mức chi xây dựng và quản lý dự án không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

### **c) Mức chi chuyên môn của dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp:**

- Trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc Chương trình 30a; xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135: Hỗ trợ hộ nghèo tối đa 15 triệu đồng/hộ; hộ cận nghèo hỗ trợ tối đa 12 triệu đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo hỗ trợ tối đa 09 triệu đồng/hộ.

- Trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: Hỗ trợ hộ nghèo tối đa 12 triệu đồng/hộ; hộ cận nghèo hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo hỗ trợ tối đa 07 triệu đồng/hộ.

Tổng kinh phí hỗ trợ cho các hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo không vượt quá mức hỗ trợ cho một dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mỗi hộ gia đình chỉ được

hỗ trợ một lần; tùy điều kiện sản xuất, mỗi hộ có thể nhận nhiều nội dung hỗ trợ trong một dự án, nhưng tổng số tiền được hỗ trợ không vượt quá mức quy định hỗ trợ tối đa cho từng nhóm đối tượng. Các hộ đã được hưởng chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo từ những chương trình khác thì không thuộc đối tượng được hỗ trợ của Nghị quyết này.

### **5. Mức chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã**

- Đối với các xã/thị trấn thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc Chương trình 30a; xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135: 1.500.000 đồng/năm.

- Đối với các xã/phường/thị trấn khác: 1.200.000 đồng/năm.

### **6. Kinh phí thực hiện**

Từ nguồn ngân sách địa phương.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa ....., Kỳ họp thứ ..... thông qua ngày ... tháng ... năm ..... và có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ..... /.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ LĐTBXH;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP. HĐND, VP. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

Số: /TTr-SLĐTBXH

Khánh Hòa, ngày .... tháng .... năm 20.....

### TỜ TRÌNH

Về việc dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung và mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Công văn số 11575/UBND-KGVX ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tiến hành các bước xây dựng dự thảo nghị quyết theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội kính trình UBND tỉnh xem xét./.

(Đính kèm:

- Dự thảo Tờ trình UBND về dự thảo Nghị quyết;
- Văn bản góp ý của các đơn vị;
- Tổng hợp giải trình, tiếp thu các ý kiến đóng góp;
- Công văn thẩm định của Sở Tư pháp;
- Báo cáo tiếp thu ý kiến góp ý của Sở Tư pháp;
- Dự thảo nghị quyết.)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, BTXHTEBDG.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Võ Bình Tân

Số: /TTr-UBND

Khánh Hòa, ngày .... tháng .... năm 20....

**DU THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị xây dựng nghị quyết quy định  
một số nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia  
Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016-2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện quy trình ban hành nghị quyết của HĐND tỉnh được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

**1. Sự cần thiết**

Trong giai đoạn 2016 - 2019, triển khai thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, công tác giảm nghèo đã được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp trên địa bàn tỉnh; đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định các chế độ, chính sách về giảm nghèo, qua đó đời sống vật chất và tinh thần của các đối tượng yếu thế, của người nghèo, đồng bào các dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện, nâng cao. Mục tiêu giảm nghèo đã được đưa vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và lồng ghép với các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh như: Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới; Chương trình Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi... Cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh còn 3,06%, với 10.143 hộ nghèo. Trong giai đoạn 2016 - 2019, toàn tỉnh đã giảm được 17.249 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm 6,62%, bình quân mức giảm tỷ lệ hộ nghèo 1,66%/năm.

Tuy nhiên, công tác giảm nghèo chưa mang tính bền vững cao, nhận thức của người dân, cộng đồng và các cấp chính quyền về cách thức giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều còn chưa rõ, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai thực hiện. Đặc biệt, nhận thức của một số hộ nghèo còn hạn chế, chưa tích cực phấn đấu vươn

lên thoát nghèo. Một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số trình độ dân trí còn thấp, còn ảnh hưởng phong tục tập quán lạc hậu; ý thức tự lực vươn lên chưa cao, một bộ phận còn trông chờ, ỷ lại sự giúp đỡ, hỗ trợ của Nhà nước, còn cho rằng đầu tư giảm nghèo là việc của Nhà nước, của chính quyền các cấp nên chưa có ý thức hợp tác và nỗ lực vươn lên thoát nghèo. Bên cạnh đó, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản tại một số vùng thiếu bền vững, ảnh hưởng của dịch bệnh trong chăn nuôi, giá cả nông sản chưa ổn định, đã tác động rất lớn đến đời sống nhân dân, nhất là đối với hộ nghèo; những mô hình, điển hình tốt trong thực hiện công tác giảm nghèo để phát huy, nhân rộng chưa nhiều; điều kiện hỗ trợ hộ nghèo thoát nghèo còn hạn chế.

Nhằm đảm bảo thực hiện đạt hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh; đồng thời thực hiện các quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, HĐND tỉnh cần quy định mức hỗ trợ một số nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh để thống nhất triển khai thực hiện.

## **2. Cơ sở pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;
- Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020; Thông tư số 100/2018/TT-BTC ngày 01/11/2018 của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ điểm đ, Khoản 1, Điều 7 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;
- Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

### **1. Mục đích**

Nghị quyết này quy định một số nội dung và mức hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020 theo Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

## **2. Quan điểm**

Đảm bảo giải pháp hỗ trợ có hiệu quả hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân, nhóm hộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn xã, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135, trên địa bàn các xã ngoài chương trình 135, hướng tới mục tiêu giảm nghèo bền vững.

## **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

- Ngày 14/8/2019, UBND tỉnh có Công văn số 8119/UBND-KGVX về việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2019, trong đó giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện quy trình để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành nghị quyết quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và các địa phương xây dựng dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh gửi Thường trực HĐND tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết và Bản thuyết minh về các nội dung dự thảo nghị quyết, được gửi kèm theo Tờ trình số 292/TTr-SLĐTBXH ngày 05/9/2019 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội về việc tham mưu UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết. Nội dung này đã được các thành viên UBND tỉnh thông qua tại cuộc họp UBND tỉnh thường kỳ tháng 8 năm 2019 vào ngày 05/9/2019 (theo Giấy mời số 757/GM-UBND ngày 30/8/2019 của UBND tỉnh).

- Ngày 12/11/2019 UBND tỉnh có Tờ trình số 11326/TTr-UBND gửi Thường trực HĐND tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020.

- Ngày 19/11/2019, Thường trực HĐND tỉnh có Công văn số 256/HĐND-VP về việc cho ý kiến đề nghị xây dựng Nghị quyết.

- Thực hiện ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh, ngày 20/11/2019 UBND tỉnh có Công văn số 11575/UBND-KGVX giao Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan tham mưu soạn thảo Nghị quyết theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020, đã đăng tải nội dung dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan và tổng hợp, nghiên cứu, giải trình tiếp thu ý kiến góp ý; đồng thời gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

- Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã có báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định, chỉnh lý hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình UBND tỉnh.

- Ngày / /20..., UBND tỉnh đã họp thông qua nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020. Các thành viên của UBND tỉnh đã góp ý bổ sung và biểu quyết thông qua dự thảo Nghị quyết quy định về nội dung, mức chi hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 - 2020.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

##### **1. Bố cục**

Nghị quyết gồm 02 phần chính:

- Phần căn cứ: Viện dẫn các văn bản quy định của cấp trên có liên quan.

- Phần nội dung: Gồm 02 điều khoản

+ Điều 1: Ban hành các chính sách

+ Điều 2: Tổ chức thực hiện

##### **2. Nội dung cơ bản**

a) Mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

- Mức hỗ trợ dự án:

+ Trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc Chương trình 30a; xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135: Hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án/xã; 100 triệu đồng/dự án/thôn.

+ Trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: Hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/dự án

+ Thời gian triển khai thực hiện dự án không quá 03 năm.

- Chi xây dựng và quản lý dự án:

Mức chi xây dựng và quản lý dự án không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

- Mức chi chuyên môn của dự án trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp:

+ Trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc Chương trình 30a; xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135: Hỗ trợ hộ nghèo tối đa 15 triệu đồng/hộ; hộ cận nghèo hỗ trợ tối đa 12 triệu đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo hỗ trợ tối đa 09 triệu đồng/hộ.

+ Trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135: Hỗ trợ hộ nghèo tối đa 12 triệu đồng/hộ; hộ cận nghèo hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo hỗ trợ tối đa 07 triệu đồng/hộ.



Tổng kinh phí hỗ trợ cho các hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo không vượt quá mức hỗ trợ cho một dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mỗi hộ gia đình chỉ được hỗ trợ một lần; tùy điều kiện sản xuất, mỗi hộ có thể nhận nhiều nội dung hỗ trợ trong một dự án, nhưng tổng số tiền được hỗ trợ không vượt quá mức quy định hỗ trợ tối đa cho từng nhóm đối tượng. Các hộ đã được hưởng chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo từ những chương trình khác thì không thuộc đối tượng được hỗ trợ của Nghị quyết này.

**b) Mức chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã**

- Đối với các xã/thị trấn thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc Chương trình 30a; xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135: 1.500.000 đồng/năm.

- Đối với các xã/phường/thị trấn khác: 1.200.000 đồng/năm.

**V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Từ nguồn ngân sách tỉnh, dự kiến kinh phí thực hiện trong năm 2020:

**1. Chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc Chương trình 30a; xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135**

- 27 xã/thị trấn x 500.000.000 đồng/dự án = 13.500.000.000 đồng

(27 xã/thị trấn gồm: 22 xã, thị trấn thuộc 02 huyện nghèo Khánh Vĩnh và Khánh Sơn (trong đó có 15 xã thuộc Chương trình 135, Khánh Vĩnh: 10 xã, Khánh Sơn: 05 xã); xã Sơn Tân (CT 135) thuộc huyện Cam Lâm; 04 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc huyện Vạn Ninh)

- 20 thôn x 100.000.000 đồng/dự án = 2.000.000.000 đồng

(20 thôn đặc biệt khó khăn: huyện Khánh Vĩnh: 03 thôn, huyện Khánh Sơn: 04 thôn, Diên Khánh: 01 thôn, huyện Cam Lâm: 05, huyện Vạn Ninh: 03 thôn, thị xã Ninh Hòa: 02 thôn, thành phố Cam Ranh: 02 thôn)

**2. Chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135**

08 xã x 300.000.000 đồng/dự án = 2.400.000.000 đồng

(Ninh An, Ninh Phước, Ninh Lộc, Ninh Ích thuộc thị xã Ninh Hòa; xã Vạn Long thuộc huyện Vạn Ninh; xã Diên Đồng, xã Suối Hiệp, xã Diên Xuân thuộc huyện Diên Khánh, đây là các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135 và ngoài Chương trình Phát triển kinh tế - Xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới)

### 3. Chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã

- Đối với các xã/thị trấn thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc Chương trình 30a; xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135:

$$27 \text{ xã/thị trấn} \times 1.500.000 \text{ đồng/năm} = 40.500.000 \text{ đồng}$$

- Đối với các xã/phường/thị trấn khác:

$$110 \text{ xã/phường/thị trấn} \times 1.200.000 \text{ đồng/năm} = 132.000.000 \text{ đồng}$$

**Tổng cộng: 18.072.500.000 đồng** (Mười tám tỷ, không trăm bảy mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng)

## VI. PHƯƠNG THỨC THỰC HIỆN

- Phương thức thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

- Phân cấp cho UBND cấp huyện phê duyệt dự án triển khai trên địa bàn quản lý trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền giao (tên dự án, loại mô hình, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, số hộ tham gia (cụ thể số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ không nghèo), các hoạt động của dự án, dự toán kinh phí thực hiện dự án, nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn vay tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia), dự kiến hiệu quả của dự án, trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp).

## VII. DỰ KIẾN THỜI GIẠN THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Dự kiến thông qua kỳ họp của HĐND tỉnh trong tháng 3/2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

*(Đính kèm dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; Biên bản cuộc họp UBND tỉnh thông qua dự thảo Tờ trình và Nghị quyết; Công văn thẩm định của Sở Tư pháp).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Lưu VT, KGVX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN  
ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ THỰC HIỆN  
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

**GIẢI ĐOẠN 2016 - 2020**

*(Đính kèm Công văn số*

*/SLĐTBOXH-BTXHTEBDG ngày*

*/12/2019 của Sở LĐ-TBXH)*

TT	Đơn vị góp ý	Thông nhất	Các góp ý		Ý kiến tiếp thu, giải trình	
			Nội dung góp ý	Lý do góp ý	Tiếp thu	Bảo lưu như dự thảo - Lý do
1	Sở Tài chính (CV 4448/STC-QLNS ngày 05/12/2019)		1. Về mức hỗ trợ thực hiện			
			- Đề nghị làm rõ cơ sở tính toán xây dựng các mức hỗ trợ:			
			+ Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/dự án/thôn đối với dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135.			Mức chi này vận dụng bằng mức hỗ trợ dự án do cơ quan trung ương thực hiện quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 8 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính (nội dung này đã có trong Bảng thuyết minh dự thảo nghị quyết gửi kèm CV số 3019/SLĐTBOXH-BTXHTEBDG ngày 21/11/2019 về việc góp ý dự thảo nghị quyết)
	+ Hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án/xã đối với dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135.			Mức chi này vận dụng mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất 50 triệu đồng/thôn/năm tại Quyết định số 101/2009/QĐ-TTg ngày 05/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ (nội dung này đã có trong Bảng thuyết minh dự thảo nghị quyết gửi kèm CV số 3019/SLĐTBOXH-BTXHTEBDG ngày 21/11/2019 về việc góp ý dự thảo nghị quyết)		

			<p>- Đối với mức chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã, hiện tại Sở LĐ-TBXH vận dụng mức chi theo Thông tư liên tịch số 68/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ LĐ-TBXH. Tuy nhiên văn bản này đã hết hiệu lực từ ngày 02/4/2017. Vì vậy, đề nghị xác định lại căn cứ pháp lý để đề xuất mức chi.</p>		<p>Theo quy định tại Khoản 10, Điều 21 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính: “Chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo: Mức chi do Chủ tịch UBND tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.”, Sở LĐ-TBXH đề xuất vận dụng theo mức hỗ trợ cũ quy định tại điểm c, Khoản 12, Điều 4 Thông tư liên tịch số 68/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 21/5/2013 của Bộ Tài chính và Bộ LĐ-TBXH (văn bản này đã hết hiệu lực từ ngày 02/4/2017):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với các xã/thị trấn thuộc huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển thuộc Chương trình 30a; xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135: 1.500.000 đồng/năm.</li> <li>- Đối với các xã/phường/thị trấn khác: 1.200.000 đồng/năm.</li> </ul>
			<p>2. Về nhu cầu kinh phí</p>		<p>Các mức hỗ trợ trong dự thảo nghị quyết đều căn cứ theo các văn bản hướng dẫn của TW. Căn cứ vào tình hình thực tế khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Sở Tài chính xem xét tham mưu bố trí kinh phí thực hiện cho phù hợp (không nhất thiết phải hỗ trợ với mức tối đa).</p>
2	Ban Dân tộc (CV 667/BDT-CS ngày 22/11/2019)	X			

3	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (CV 3625/SNN-PTNT ngày 05/12/2019)	X				
4	Sở Thông tin và Truyền thông (CV 2237/STTTT-TTBCXB ngày 28/11/2019)	X				
5	Sở Giáo dục và Đào tạo (CV 2741/SGDDT-VP ngày 02/12/2019)	X				
6	Sở Văn hóa và Thể thao (CV 2367/SVHTT-QLVHGD ngày 27/11/2019)	X				
7	Sở Y tế (CV 3918/SYT-KHTC ngày 26/11/2019)	X				
8	Sở Tài nguyên và Môi trường (CV 5466/SINMT-VP ngày 28/11/2019)	X				
9	Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh (CV 987/BTV ngày 04/12/2019)	X				
10	Hội Nông dân tỉnh (CV 201-CV/HNDT ngày 12/12/2019)	X				
11	BCH Đoàn tỉnh (CV 971-CV/TĐTN-TNCNNT&ĐT)	X				
12	UBND huyện Vạn Ninh (CV 2971/UBND-LĐTĐBXH ngày 05/12/2019)	X				

13	UBND thị xã Ninh Hòa (CV 4015/UBND ngày 27/11/2019)	X				
14	UBND thành phố Nha Trang (CV 9731/UBND-LĐTĐBXH ngày 09/12/2019)	X				
15	UBND huyện Diên Khánh (CV 2050/UBND ngày 04/12/2019)	X				
16	UBND huyện Khánh Vĩnh (CV 3611/UBND ngày 06/12/2019)	X				
17	UBND huyện Khánh Sơn (CV 1918/UBND ngày 03/12/2019)	X				